

## BỎ RƠI HAY PHẢN BỘI?



Ngày 22-11-1972 Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và Cố vấn An ninh Hoa Kỳ Henry Kissinger hội đàm bí mật tại Gif-Sur-Yvette, Pháp.

Người phiên dịch: Nguyễn Đình Phương (giữa).

Ảnh: Michael Laurent

Sau ngày 30-4-1975 Mỹ mở chiến dịch đổ tội làm mất nước cho TT Nguyễn Văn Thiệu để cho người ta không oán hận Mỹ đã bỏ rơi VNCH. Giờ đây đã 44 năm trôi qua, nếu người Mỹ không lên tiếng giải oan cho TT Thiệu thì cũng nên trả lại sự thật cho lịch sử.

TT Nguyễn Văn Thiệu cho tới trước khi chết Ông vẫn cúi đầu nhận chịu trách nhiệm đã làm cho mất nước, một lỗi lầm quá to lớn mà cá nhân một người không thể nào gánh vác. Nếu có một người nào đó đứng ra nhận chịu thì quả là vô lý, thế nhưng Ông Nguyễn Văn Thiệu đã làm.

Kể từ ngày lập quốc, nước Mỹ thực sự sụp đổ vào năm 1975 với 3 triệu cựu chiến binh tại chiến trường VN, 58 ngàn người đã chết, và 3.000 quân nhân còn mất tích. Xã hội Mỹ phân hóa trầm trọng với tranh cãi đổ lỗi cho nhau.

Chính vì vậy mà những người quân nhân VNCH không bao giờ động chạm tới nỗi đau của người bạn chiến đấu Mỹ, họ đã làm hết sức của họ rồi, họ đã phải chết tới 58.000 người và đã hao tổn 300 tỷ USD, lại còn phải nuôi 3 triệu cựu chiến binh Mỹ mà người nào cuộc đời cũng tan nát do bị khủng hoảng, bị thất bại vì không thể trở lại trường để làm lại cuộc đời.

Hai chữ **“Bỏ Rơi”** là do BBC và RFI dùng để xoa dịu sự oán hận của người Việt sau khi Mỹ cắt ống tiếp huyết cho VNCH. **“Bỏ Rơi Đồng Minh”** khác với **“Phản Bội Đồng Minh”**. *Bỏ Rơi* có nghĩa là tôi thích thì tôi giúp, khi thấy mệt mỏi quá thì tôi không giúp nữa. Còn *Phản Bội* là phỉnh gạt, lừa đảo. Cho nên người Mỹ muốn nhận là họ *Bỏ Rơi VNCH* còn hơn là nhận *Phản Bội VNCH*.

Năm 1968, anh sinh viên **Frank Snepp** quyết định làm đơn xin đầu quân vào CIA để tránh khỏi phải đi lính và chiến đấu tại VN. Năm 1969 Snepp bắt đầu làm việc tại chi nhánh CIA tại Sài Gòn trong tư thế một nhân viên mới vào nghề. Năm 1971 ông trở về Trung tâm CIA tại Mỹ với nhiệm vụ phân tích những tin tức thu thập từ báo chí của Bắc Việt.

Đến năm 1972, ông bị đày đi VN vì tội đã báo trực tiếp cho Tòa Bạch Ốc một thông tin ông đọc được trên báo của Hà Nội mà không qua các xếp lớn của CIA. Nhiệm vụ lần thứ hai của Frank Snepp tại VN là đọc báo và nghe đài phát thanh của CSVN và VNCH để trình cho Polgar, trưởng CIA tại Sài Gòn, những tin nào mà ông ta thấy đáng quan tâm.

Sau biến cố 1975, Frank Snepp quyết định viết thành sách về những gì ông chứng kiến trong vai trò một nhân viên CIA làm việc tại VN trong giai đoạn Hoa Kỳ cuốn cờ ra khỏi VN. Nhờ đó ông nhanh chóng trở thành nhân chứng sống duy nhất dám tiết lộ những bí mật mà một nhân viên CIA không được phép tiết lộ.

CIA đã đưa ông ra tòa vì ông đã hành động trái với lời tuyên thệ khi ông bước chân vào tổ chức CIA. Tòa án đã phán quyết Frank Snepp không bị tội tiết lộ bí mật nghiệp vụ nhưng cũng quyết định cho thu hồi quyển sách **“Decent Interval”** của Frank Snepp. Tuy nhiên phán quyết này chỉ có hiệu lực hình thức bởi vì cả thế giới đều đã đọc Decent Interval.

Theo Frank Snepp, mọi chuyện đều bắt đầu từ khi ký kết Hiệp định Paris. Rồi 3 tháng sau khi ký kết Hiệp định, TT Nixon cử Martin làm đại sứ Mỹ tại VN thay Bunker. Frank Snepp mô tả vai trò của Đại sứ Martin: *“Mỹ buộc phải bỏ khỏi VN trong tư thế đường hoàng, và muốn tạo được ấn tượng như vậy thì cần phải có một chuyên gia về ảo thuật và kịch nghệ mà Martin thuộc vào hạng sư phụ.* (trang 75, nguyên văn: *“The United States was obliged to crawl out of Vietnam standing up, and to foster that illusion required the kind of conjuring and stagecraft at which Martin so adept”*). Như vậy màn kịch bỏ rơi VN đã được lên giàn từ tháng 4 năm 1973. Năm 1974 giữa năm, TT Mỹ Nixon đệ trình Quốc hội Mỹ bản dự thảo hiệp ước giao thương giữa Mỹ và Liên Xô. Đến lúc này Quốc hội Mỹ mới biết rằng đây là cái giá mà Nixon đã trả cho việc Liên Xô ngưng cung cấp vũ khí cho Hà Nội và ép Hà Nội phải ký hiệp ước ngưng bắn 1973. Dĩ nhiên khi đưa ra trước Quốc hội, Nixon tin rằng sẽ được thông qua dễ dàng vì lợi ích chung của cả hai nước, nhất là từng bước giải quyết chiến tranh lạnh là điều mà dân chúng Hoa Kỳ mong chờ.

Tuy nhiên ông đã tính lầm, Quốc hội Mỹ đoán rằng còn nhiều cái giá khác nữa giữa Nixon và Liên Xô, Trung Quốc, Hà Nội vào năm 1972. Vì vậy Quốc hội bác bỏ thẳng thừng hiệp ước thương mại Xô – Mỹ để buộc Nixon phải lòi ra những thỏa thuận khác. Dĩ nhiên là Nixon không đưa ra, ông dùng đặc quyền hành pháp để từ chối.

Vì vậy Quốc hội có một cách khác để moi ra những gì mà Nixon đã cam kết với LX, TQ và Hà Nội vào năm 1972; đó là cách lợi dụng vụ Watergate để triệu tập một Ủy ban điều tra đặc biệt về sai phạm của Nixon trong vụ nghe lén, nhờ đó công tố viên của ủy ban điều tra có quyền bắt Nixon phải đưa ra tất cả những cam kết ngầm với Bắc Kinh, Mạc Tư Khoa và cả Hà Nội.

Nixon chỉ còn có cách từ chức để né tránh Ủy ban điều tra bởi vì ông và Kissinger đã có những thỏa thuận mật với đối phương mà không xin phép Quốc hội. Một khi ông từ chức thì những cam kết của ông trở thành vô hiệu lực. Quốc hội sẽ không còn cơ để truy xét.

Sau khi Nixon từ chức thì Quốc hội Hoa Kỳ cho thông qua đạo luật cấm HK buôn bán với các nước CS vào cuối năm 1974 (đạo luật Jackson-Vanik). Sự trở mặt của Quốc hội Mỹ đã khiến Liên Xô tức giận bởi vì những cam kết của Nixon khi ông ta viếng thăm Liên Xô vào năm 1972 đã không được thi hành. Vì vậy, cuối năm 1974, Đại tướng Kulikov của Liên Xô đến Hà Nội để xúi Hà Nội đưa quân đánh chiếm Miền Nam, Liên Xô sẽ cung cấp vũ khí và chiến phí.

Theo như 7 mục, 23 điều khoản của Hiệp định Paris thì Hà Nội ngưng bắn vô điều kiện, trao trả cho Mỹ 591 tù binh Mỹ vô điều kiện, trao trả tù binh VNCH để đổi lại VNCH trao trả 28 ngàn tù binh Bắc Việt. Trong khi đó TT Nguyễn Văn Thiệu không phải từ chức, 38 ngàn tù chính trị của Mặt trận DTGPMN vẫn tiếp tục bị giam giữ.

Đặc biệt là “*ngưng chiến da beo*”, nghĩa là quân đội CSVN vẫn ở trên rừng và quân đội VNCH kiểm soát thành thị và thôn quê Nam VN. Biên giới hai miền Nam Bắc vẫn được tôn trọng theo như Hiệp định Genève 1954.

Nhìn bề mặt của Hiệp định Paris quá vô lý cho nên giới quan sát quốc tế thừa biết bên trong phải có một mật ước riêng. Quả nhiên sau này vào năm 1977, TT Jimmy Carter của Mỹ xác nhận có một mật ước riêng đằng sau Hiệp định Paris được Nixon ký với Hà Nội 4 ngày sau khi ký kết Hiệp định Paris 1973. Vào tháng 10-1988 Hà Nội cho công bố toàn văn bản mật ước Nixon & Phạm Văn Đồng.

Theo đó thì Nixon hứa sẽ viện trợ tái thiết cho Bắc Việt 3,25 tỷ USD và viện trợ phát triển kinh tế cho Hà Nội 1,5 tỷ USD. Trong vòng 30 ngày sau khi người tù binh HK cuối cùng rời khỏi VN thì hai bên sẽ thiết lập xong hệ thống viện trợ tái thiết, và trong vòng 60 ngày sau đó thì lập xong hệ thống viện trợ phát triển kinh tế.

Bản mật ước do đích thân Kissinger mang tới Hà Nội cho Phạm Văn Đồng ký nhận. Từ đó Lê Duẩn ngày đêm trông chờ món tiền của Kissinger và đến cuối năm 1974, Liên Xô cử tướng Kulikov sang Hà Nội xúi Lê Duẩn đánh chiếm Miền Nam thì có nghĩa là Hiệp định Paris coi như tờ giấy lộn. Rốt cuộc Hà Nội biểu không 591 tù binh Hoa Kỳ mà chẳng nhận được đồng nào; suốt 10 năm chiến đấu gian khổ, hàng triệu người chết, hàng chục tỉ đôla nợ chiến phí... đến nay chỉ còn là con số không (sic).

Tướng Kulikov xúi Hà Nội phát động chiến tranh trở lại nhưng Lê Duẩn và ban lãnh đạo CSVN thực sự trắng mắt. Dân chúng Miền Bắc đã kiệt sức; trong 5 năm nhà nước đã đóng cửa tất cả 18 trường đại học và cao đẳng, bòn vét nhân lực đến độ phải gọi lính ở tuổi 16, tại Miền Bắc chỉ còn một trời đàn bà góa... thì lấy đâu để gây chiến tranh trở lại.

*(Theo hồi ký của tướng CSVN Hoàng Văn Thái thì cho tới năm 1974 Hà Nội đã động viên đến 16% dân số, không thể nào động viên thêm được nữa. Trong khi Miền Nam là 5,88%).*

Bắt đầu từ năm 1975 Đại tướng Cao Văn Viên viết tường trình cho Ngũ Giác Đài về những ngày cuối cùng của chiến tranh VN nhưng đến năm 1983 mới được in thành sách với tựa đề “*The Final Collapse*” và hai mươi năm sau, 2003 *The Final Collapse* được nhà nghiên cứu sử Nguyễn Kỳ Phong dịch ra tiếng Việt với tựa đề “*Những ngày cuối của VNCH*”. Trong sách có kèm theo những chú giải mới nhất của Đại tướng Cao Văn Viên. “*Một sự thực không thể chối cãi là quân đội VNCH sẽ hết đạn và nhiên liệu vào tháng 6-1975...*” (Tài liệu của Ngũ Giác Đài: Cao Văn Viên, *The Final Collapse*, bản dịch của Nguyễn Kỳ Phong trang 136).

Năm 1974 tháng Giêng, theo tài liệu của CIA: “*Từ cuối tháng 12-1973 đến đầu tháng Giêng 1974, Tướng John Murray và ban tham mưu của ông đã làm việc ngày đêm để cố gắng tìm*

*đáp số cho bài toán viện trợ quân sự. Nhưng mỗi lần họ tìm ra một giải pháp để giải quyết vấn đề thì lại phát sinh một vấn đề khác mà kết quả cũng chỉ đưa tới bí lối”* (Frank Snepp, Decent Interval, trang 95).

Tướng John Murray là Tư lệnh cuối cùng của quân đội Hoa Kỳ tại Nam VN. Ông đến VN sau Hiệp định Paris 1973, sang đầu năm 1974 ông và Bộ Tham mưu Hoa Kỳ tại VN phải tính toán sổ sách về viện trợ quân sự cho Nam VN trong nửa cuối 1974 và đầu năm 1975. Tuy nhiên Ngũ Giác Đài đã cho ông biết trước là có thể dưới 700 triệu đôla, nhưng theo các chuyên viên tham mưu của John Murray thì 700 triệu chỉ đủ giữ được Vùng 4.

Năm 1974 cũng theo Frank Snepp, ngày 16-8 John Murray họp buổi họp chót với Đại tướng Cao Văn Viên (Tổng tham mưu trưởng), Tướng Đồng Văn Khuyên (Tổng cục trưởng Tổng cục Tiếp vận) và một số tướng lĩnh của Bộ TTM. John Murray khuyên Tướng Viên nên liệu cơm gắp mắm, gấp rút lên kế hoạch sẵn sàng bỏ Vùng 1, Vùng 2 và cả Vùng 3 để về cố thủ Vùng 4. Tuy nhiên “Tướng Viên lẫn Tướng Khuyên đều nói rằng lên kế hoạch về quân sự thì được, nhưng về mặt chính trị thì không thể nào thi hành nổi”. Sau buổi họp này thì John Murray giải ngũ, trở về Hoa Kỳ.

Theo TS Nguyễn Tiến Hưng (Bộ trưởng Bộ Kế hoạch của VNCH) thì ông đã tình cờ trông thấy bản kế hoạch “Cắt Đất Theo Lượng Viện Trợ” của Murray nằm trên bàn của TT Thiệu vào tháng 5-1974, nghĩa là 2 tháng trước khi Nixon từ chức. Như vậy Murray chính là tác giả của kế hoạch bỏ Vùng 1, Vùng 2 vào năm 1975, một kế hoạch mà cho tới 40 năm sau người ta vẫn cho là sáng kiến (tối kiến) của TT Nguyễn Văn Thiệu. Sự thực TT đã bị báo chí Mỹ cố tình gieo tiếng oan mà lúc đó Ông không thể lên tiếng thanh minh.

Năm 1974, ngày 24-12, theo hồi ký của Đại tá Phạm Bá Hoa: “Ngày 24-12-1974, lúc quân CSVN đang tấn công Phước Long sang ngày thứ 10, một buổi tiệc mừng Giáng sinh được Tướng Đồng Văn Khuyên, Tham mưu trưởng Bộ Tổng tham mưu, tổ chức trên lầu của Câu lạc Bộ trong Bộ TTM”. Khách tham dự gồm có Tướng Smith (Chỉ huy trưởng cơ quan quân sự HK tại VN; Tướng Quân y Phạm Hà Thanh; Tướng Công binh Nguyễn Văn Chức; Đại tá Phạm Kỳ Loan (Tổng cục phó Tiếp vận); Đại tá Phạm Bá Hoa (Tham mưu trưởng Tổng cục Tiếp vận); Đại tá Pelosky (Phụ tá của Tướng Smith); Trung tá Nguyễn Đình Bá (Chánh văn phòng của Tướng Khuyên).

Tướng Smith tiết lộ rằng: “Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ có kế hoạch với ngân khoản dự trù hơn 300 triệu đôla để di tản sang Hoa Kỳ khoảng 40 ngàn sĩ quan và gia đình, nhưng thời gian thì chưa rõ” (Phạm Bá Hoa, Đồi Dòng Ghi Nhớ, bản in lần 4, trang 264). Khi sách của Phạm Bá Hoa phát hành thì tất cả các nhân vật trong bữa tiệc đều còn sống mạnh khỏe nhưng không ai phản đối, kể cả Tướng Smith; chứng tỏ chuyện này hoàn toàn có thật.

Như vậy là kịch bản bỏ rơi Miền Nam đã được lên giàn trước khi mất Phước Long chứ không phải là sau khi mất Ban Mê Thuột. Người ta đã tính toán sẵn kế hoạch để cho VNCH sụp đổ trước tháng 6-1975, kể cả ước tính trước ngân sách chi dụng cho kế hoạch.

Năm 1975, ngày 7-1: Phản ứng của Mỹ sau khi mất Phước Long là: “Nhà Trắng nói rằng TT Ford không có ý vi phạm những điều cấm chỉ (của Quốc hội) về việc sử dụng lực lượng quân sự Hoa Kỳ tại VN” (Hồi ký của Tướng CSVN Hoàng Văn Thái, trang 161). Khi vừa nghe tin này Phạm Văn Đồng tuyên bố: “Cho kẹo quân Mỹ cũng không dám trở lại VN” (trang 146).

Ngày sau khi nhận được tin, Lê Duẩn chỉ thị cho Đại tướng Tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái lên kế hoạch tiến chiếm miền Nam: “*Một tháng sau chiến thắng Phước Long, ngày 5 tháng 2, anh Văn Tiến Dũng lên đường vào Tây Nguyên*” (Hoàng Văn Thái, trang 172).

Ngày đó cơ quan USIS của CIA tung tin quân VNCH thua tại Phước Long là do TT Nguyễn Văn Thiệu cố tình bỏ Phước Long để thử xem phản ứng của Mỹ. Sở dĩ CIA đổ cho Nguyễn Văn Thiệu là để Quốc hội Mỹ có cơ biểu quyết ngưng viện trợ quân sự cho VNCH.

Tuần đầu của tháng 3 năm 1975. Trong một cuộc họp đầu tuần của Bộ Ngoại giao HK, Kissinger đã giải thích hành động viện trợ “*Lấy có*” cho Cam Bốt: “*CP Lon Nol đang trên đà sụp đổ, đây là nguyên do chính khiến chúng ta phải tiếp tục viện trợ để cho sau này không ai có thể trách chúng ta vô trách nhiệm*” (Frank Snepp, Decent Interval, trang 175). \*(Nguyên văn: “...he says, the Lon Nol Government was on the brink of collapse, it was essential to keep open the aid pipeline so no one could later blame the United States for the disaster”).

– Ngày 7-3-1975, Kissinger chỉ thị cho các viên chức ngoại giao HK trước khi ông ta lên đường đi Trung Đông: “*Hãy làm mọi cách để Quốc hội tiếp tục duy trì viện trợ (Lấy có) cho Cam Bốt và VN. Không phải để cứu vãn hai nước đó, mà vì không thể nào cứu vãn được hai nước đó*” (Frank Snepp, Decent Interval trang 176). \*(Nguyên văn: *Do everything possible to ensure that Congress lived up our aid commitments to Cambodia and Vietnam- not because the two countries were necessarily salvageable, but precisely because they might not be*). Hai ngày sau khi Kissinger nói câu này thì Văn Tiến Dũng ra lệnh tấn công Ban Mê Thuột.

Kissinger không muốn thiên hạ nghĩ rằng VN sụp đổ do không còn viện trợ. Và với mức độ viện trợ nhỏ giọt thì đến ngày 30-6-1975 quân đội VNCH sẽ không còn gạo và không còn đạn (Tài liệu The Final Collapse của Đại tướng Cao Văn Viên). Vì thế Kissinger mong cho Quân đội VNCH tự tan rã trước khi hết gạo và đạn trước tháng 6-1975. Lúc đó thiên hạ sẽ nghĩ rằng Quân đội Sài Gòn đã thua chạy trước sức tiến công vũ bão của quân Hà Nội.

Năm 1975 ngày 11-3, một ngày sau khi mất Ban Mê Thuột. Theo Đại tướng Cao Văn Viên “*Ngày 11-3 TT Thiệu mời các Tướng Khiêm, Viên, Quang ăn sáng tại Dinh Độc Lập và sau đó trình bày ý định muốn cắt bỏ bớt lãnh thổ cho vừa với mức viện trợ quân sự của HK vào năm 1975*”. Tướng Viên ghi lại cảm nghĩ của ông lúc đó: “*Quyết định của TT Thiệu cho chúng tôi thấy đây là một quyết định ông đã suy xét thận trọng. Hình như TT Thiệu đã ngần ngại về quyết định đó, và bây giờ ông chỉ thổ lộ cho ba người chúng tôi trong bữa ăn sáng...*”. “... TT Thiệu phác họa sơ: ...*một vài phần đất quan trọng đang bị CS chiếm, chúng ta sẽ cố gắng lấy lại bằng mọi giá... Ban Mê Thuột quan trọng hơn hai tỉnh Kontum và Pleiku nhập lại...*” (Cao Văn Viên, The Final Collapse, bản dịch của Nguyễn Kỳ Phong, trang 129-131).

“*Ngày sau khi Phước Long bị tấn công, Hoa Kỳ không có một phản ứng nào. Một thực tế gần như hiển nhiên là Hoa Kỳ không muốn cuộc chiến tiếp tục và biểu quyết viện trợ để VNCH đánh tiếp là chuyện sẽ không xảy ra. Đối với Hoa Kỳ cuộc chiến VN đã kết thúc*” (trang 132).

Henry Kissinger viết trong hồi ký của ông: “*Cho đến hôm nay tôi kính trọng ông Thiệu như là một gương hào hùng của một kẻ dám chiến đấu cho nền tự do dân tộc của ông, một kẻ sau này đã chiến bại bởi những hoàn cảnh ngoài tầm tay cá nhân ông, đất nước ông và ngay cả ngoài vòng quyết định của chúng ta...*” (Henry Kissinger, Years of Upheaval, 1981, bản dịch của Xuân Khuê)

Kissinger là người mà TT Nguyễn Văn Thiệu ghét cay ghét đắng cho tới khi xuống mồ. Trong khi ngược lại, Kissinger cũng làm ra vẻ ghét cay ghét đắng TT Nguyễn Văn Thiệu, kẻ mà báo chí và nhân dân Mỹ luôn luôn nguyên rủa là cản trở và phá hoại hòa bình.

Tuy nhiên cuối cùng, khi mà hòa bình đã đạt được bằng cái giá phản bội dân tộc VN, Kissinger mới bình tâm thú thực cảm nghĩ của ông ta về người anh hùng lãnh đạo đất nước VN trong thời gian gay gắt nhất của lịch sử. Kissinger nói: “... Sau khi ngưng bắn, quân đội chúng ta sẽ rút về bên kia bán cầu, còn dân tộc của ông vẫn còn cảnh một đội quân tiếp tục hy sinh cho những hy vọng mong manh của nền độc lập tại Đông Dương. Chúng ta đã chắc rằng biện pháp của chúng ta sẽ kèm hãm tham vọng của Hà Nội. Nhưng mắt của ông TT Thiệu chỉ quan ngại vào những điều mong manh về sau này...” (bản dịch của Xuân Khuê).

Kissinger cũng thú thực là vì không còn cách lựa chọn nào khác cho nên Mỹ đành phải hy sinh Nam VN, và cũng vì vậy mà Kissinger đành phải đóng vai làm kẻ thù của TT Nguyễn Văn Thiệu nhưng tự sâu xa trong đáy lòng, Kissinger khâm phục TT Thiệu: “... Như là một phép lạ phát xuất từ lòng dũng cảm, ông Thiệu đã cố gắng lèo lái quốc gia trong giai đoạn cam go này, chiến đấu chống lại quân thù cố tâm xâm lấn và làm an tâm đồng minh nào chưa thông hiểu ông... Về riêng tư tuy tôi dành ít cảm tình về ông TT Thiệu nhưng tôi rất kính nể ông vì ông là một người kiên tâm chiến đấu trong nỗi cô đơn ghê gớm (nguyên văn: terrible loneliness) sau cuộc rút quân của Hoa Kỳ. Ông chấp nhận những cảm tình và thông hiểu ít ỏi dành cho ông. Chuyện đó không làm phẩm chất của ông hao mòn đi...” (bản dịch của Xuân Khuê).

Ngày 22-10-1972 TT Nguyễn Văn Thiệu đã nổi giận khi Kissinger ép buộc ông phải chấp nhận bản dự thảo Hiệp định đình chiến mà Kissinger đã cùng Lê Đức Thọ soạn thảo tại Paris. Ông khuyến cáo Kissinger: “Tôi không đồng ý về việc một số nhân viên của quý vị đi nói khắp Sài Gòn là tôi đã ký. Tôi chưa ký kết gì cả. Tôi không phản đối hòa bình nhưng tôi chưa nhận được một trả lời thỏa đáng nào của quý vị cho nên tôi sẽ không ký”. Kissinger mất bình tĩnh với tuyên bố của TT Thiệu, ông nói ông đã thành công ở Bắc Kinh, Mạc Tư Khoa và Paris mà bây giờ ông phải thất bại tại Sài Gòn: “Nếu ngài không ký, chúng tôi sẽ xúc tiến một mình”. Tới phiên Thiệu nổi giận, ông buộc tội Kissinger là thông đồng với Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa để bán đứng Miền Nam. Hồi ký của Kissinger ghi lại lời lẽ của Thiệu: “Là một quân nhân thì lúc nào cũng phải chiến đấu, nếu tôi không phải là một quân nhân thì tôi đã từ chức khi HK yêu cầu tôi từ chức và còn mặc cả với tôi về ngày giờ từ chức... Tôi chưa hề nói với ai là người Mỹ đã đòi tôi từ chức, vì như vậy là nhục; cho nên tôi đã làm như tự mình chọn lấy quyết định đó...” (Kissinger, White House Years, trang 1385).

Kissinger đáp lại: “Tôi cảm phục tính hy sinh và lòng can đảm của ngài qua lời phát biểu vừa rồi. Tuy nhiên, là một người Hoa Kỳ, tôi không khỏi phiền lòng khi ngài cho rằng chúng tôi thông đồng với Liên Xô và Trung Quốc. Làm sao ngài có thể nghĩ như vậy được trong khi quyết định ngày 8-5 của TT Nixon (thả bom Hà Nội và phong tỏa các hải cảng Bắc Việt) đã liều cả tương lai chính trị của mình để giúp quý ngài. Chúng tôi điều đình với Liên Xô và Trung Quốc là để làm áp lực, buộc họ phải làm áp lực với Hà Nội... Nếu như chúng tôi muốn bán đứng quý ngài thì đã có nhiều cách dễ dàng hơn để hoàn thành việc đó...” (Kissinger, White House Years, trang 1385, 1386).

Rồi tới phiên Đại sứ Bunker mất bình tĩnh: “Vậy thì thưa TT, lập trường chót của ngài là không ký, có phải không?”. TT Thiệu đáp: “Vâng, đó là lập trường cuối cùng của tôi. Tôi sẽ không ký

và tôi xin ngài thông báo cho TT Nixon biết như thế. Xin quý vị trở lại Washington và nói với TT Nixon rằng tôi cần được trả lời”.

TT Thiệu chỉ tay vào bản đồ VN rồi nói: “Có gì quan trọng khi Hoa Kỳ để mất một quốc gia nhỏ bé như Nam VN? Chúng tôi không hơn gì một chấm nhỏ trên bản đồ của thế giới đối với các ông... Nhưng đối với chúng tôi, đó là một sự chọn lựa giữa sự sống và sự chết. Đối với chúng tôi, đặt bút ký vào một hiệp ước tương đương với sự đầu hàng là chấp nhận một bản án tử hình, vì cuộc sống không có tự do là sự chết. Không, nó còn tệ hơn là sự chết” (Larry Berman; No Peace, No Honor; trích từ Văn khố Bộ Ngoại giao HK, bản dịch của Nguyễn Mạnh Hùng, trang 230).

Sau 1975 thì người Mỹ muốn lái sự oán hận mất nước của nhân dân Miền Nam vào ông TT Nguyễn Văn Thiệu và quân đội VNCH để quên đi hành động “bán đứng đồng minh” của Mỹ (lời của TT Nguyễn Văn Thiệu nói thẳng vào mặt Kissinger năm 1972). Họ vận động các phương tiện truyền thông tiếng Việt tại hải ngoại kết án ông Thiệu làm cho mất nước. Họ kết án quân đội VNCH hèn nhát, tham nhũng... Họ đập tắt tiếng nói thanh minh của ông Thiệu và của những quân nhân VNCH. Họ thuê bọn vô lại biến phong trào chống CS tại hải ngoại thành những trò thối tha vô liêm sỉ!

Hằng năm cứ vào mùa tháng Tư thì các phương tiện truyền thông tiếng Việt như RFA, BBC... lại rộn lên những luận điệu kêu gọi hòa hợp hòa giải giữa chế độ CSVN và những người đã bị đui chạy ra nước ngoài. Họ coi những người rượt đui và những người bị đui đều tội lỗi như nhau.

Trong khi đó cuộc chiến Nam Bắc Hàn cũng giống hệt như cuộc chiến VN. Nhưng ngày nay RFA, BBC... nói cho con cháu Nam Hàn rằng năm 1950 quân Bắc Hàn tràn qua vĩ tuyến 38 đánh chiếm Nam Hàn. Quân đội Mỹ đã giúp nhân dân Nam Hàn đẩy lui quân Bắc Hàn về Bắc. Tội lỗi đều là phía Bắc Hàn chứ phía Nam Hàn không có lỗi.

Nhưng đối với cuộc chiến VN thì quân Bắc Việt cũng tràn qua vĩ tuyến 17 đánh chiếm Miền Nam nhưng Mỹ lại nói: phía CSVN và phía VNCH đều có lỗi cho nên Mỹ đứng giữa không biết giúp bên nào! Cho tới nay cũng chưa ngã ngũ bên nào phải bên nào trái.

**Cũng vì chưa ngã ngũ cho nên tới nay danh dự của TT Nguyễn Văn Thiệu vẫn chưa được phục hồi. Người Mỹ vẫn muốn con cháu VN nhìn TT Nguyễn Văn Thiệu như là một kẻ luôn luôn cản trở và phá hoại hòa bình.**

**Bùi Anh Trinh**

Nguồn: <https://phamtinanninh.com/>)

[www.vietnamvanhien.org](http://www.vietnamvanhien.org)



**VIỆT NAM VẤN HIẾN**  
www.vietnamvanhien.info

**TỦ SÁCH VĂN HIẾN TRÊN MANG VỚI HƠN 11500 TÁC PHẨM & TIẾT MỤC**